

NHỮNG THÁCH THỨC TỪ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG NGOÀI HỆ THỐNG NGÂN HÀNG Ở TRUNG QUỐC VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Huỳnh Công Danh
Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng (shadow bank) là các định chế tài chính không bị chi phối bởi các quy định của ngân hàng, còn được gọi là ngân hàng "ngầm", ngân hàng song hành. Ở Trung Quốc, trong những năm gần đây, hoạt động của hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng tăng trưởng rất mạnh và tiềm ẩn nhiều rủi ro cho hệ thống tài chính. Để giảm thiểu rủi ro, Trung Quốc đã thực hiện nhiều biện pháp kiểm soát hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng thông qua các công cụ tài chính như: tự do hóa lãi suất, giám sát các sản phẩm quản lý tài sản, giám sát hoạt động liên ngân hàng. Các biện pháp kiểm soát hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng bằng công cụ tài chính của Trung Quốc là kênh thông tin hữu ích trong quá trình kiểm soát hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng ở Việt Nam.

Từ khóa: tài chính, tín dụng, ngân hàng ngoài luồng,

1. Hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng

Hệ thống tín dụng ngoài ngân hàng (shadow bank) là các định chế tài chính giống như ngân hàng, hoạt động như ngân hàng nhưng lại không phải là ngân hàng, không bị chi phối bởi các quy định ngành ngân hàng, hay còn gọi là ngân hàng “ngầm”, ngân hàng song hành hay ngân hàng ngoài luồng...

Nguồn gốc của tên gọi shadow bank là do các định chế này không chịu sự ràng buộc của các quy định ngân hàng truyền thống, không có người gửi tiền (depositor) thông thường và cũng không thể vay mượn tiền từ ngân hàng trung ương trong trường hợp khẩn cấp. Các định chế này “ẩn” trong shadow.

Ủy ban Ổn định Tài chính (The Financial Stability Board) đưa ra định nghĩa shadow bank rộng hơn, bao gồm mọi

tổ chức nằm ngoài sự quản lý của ngành ngân hàng có thực hiện các chức năng ngân hàng chính yếu (core banking functions), thực hiện chức năng trung gian tài chính (tức lấy tiền từ người gửi đem cho vay).

Theo định nghĩa của The Financial Stability Board thì shadow bank bao gồm cả các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ thực hiện các dịch vụ repo cổ phiếu (thực tế là cung cấp tín dụng) hay các quỹ đầu tư huy động tiền để mua giấy tờ có giá, chứng khoán (phái sinh) có tài sản thế chấp...

2. Hoạt động tín dụng ngoài hệ thống ngân hàng ở Trung Quốc

Những căng thẳng gần đây trên thị trường liên ngân hàng Trung Quốc cũng như phản ứng không mạnh mẽ và tức thì của Ngân hàng trung ương Trung Quốc đã khiến các nhà đầu tư quốc tế lo ngại và làm dấy lên những dự đoán rằng hoạt động ngân hàng phi chính thức (shadow banking)

sẽ dẫn đến một cuộc khủng hoảng tài chính tại Trung Quốc. Tại Trung Quốc, ngân hàng ngoài luồng được hiểu là các khoản tín dụng của các tổ chức không phải là ngân hàng như việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác và bảo hiểm...

Những phản ứng tiêu cực trên của thị trường phản ánh sự lo ngại của hệ thống ngân hàng trước rủi ro hệ thống mà hoạt động ngân hàng ngoài luồng có thể gây ra. Đáp lại những kêu gọi từ các thành viên thị trường, Ngân hàng trung ương Trung Quốc lại có những phản ứng chính sách mang tính thắt chặt hơn là nói lỏng khi phát hành khối lượng trái phiếu kỳ hạn ba tháng trị giá hơn 650 tỷ USD. Phải mất một khoảng thời gian dài để Ngân hàng trung ương Trung Quốc thể hiện rõ động thái hỗ trợ thị trường bằng tuyên bố hỗ trợ các ngân hàng thiếu hụt thanh khoản.

Một trong những yếu tố then chốt để cải tổ nền tài chính Trung quốc là hạn chế hoạt động ngân hàng ngoài luồng. Những khó khăn trên thị trường tài chính được dự đoán là chỉ trong ngắn hạn, nhưng một điều chắc chắn là qua cú sốc này, Ngân hàng trung ương Trung Quốc đã cam kết thực thi việc tái cân bằng thị trường tài chính bằng việc giảm thiểu hoạt động ngân hàng ngoài luồng. Chính quyền trung ương đã khẳng định ưu tiên mục tiêu tái cấu trúc nền kinh tế trong dài hạn hơn là tăng trưởng trong ngắn hạn. Cải tổ một thị trường tài chính vẫn bị nhìn nhận là đang ở mức độ phát triển thấp đóng vai trò then chốt trong mục tiêu tái cân bằng các động lực để đạt được quỹ đạo tăng trưởng kinh tế bền vững. Quá trình cải tổ này sẽ dẫn đến xáo trộn trong việc phân bổ các nguồn lực tài chính trên thị trường trong ngắn hạn nhưng cũng tạo ra cơ hội cho các nhà đầu tư vào thị trường tài chính nước này.

3. Sự tăng trưởng của hoạt động tín dụng ngoài luồng

Ở rất nhiều khía cạnh, hoạt động ngân hàng ngoài luồng ở Trung Quốc tương đồng với nhiều quốc gia khác trên thế giới: Nó là kết quả của việc các điều kiện và quy định tín dụng ngân hàng bị thắt chặt; đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế qua việc tài trợ vốn cho doanh nghiệp khi mà các kênh vay chính thống bị thắt chặt, giúp cho người gửi tiền và nhà đầu tư thu được lợi nhuận cao hơn. Khi tín dụng bị thắt chặt, lãi suất vay qua đêm trên thị trường liên ngân hàng Thượng Hải bị đẩy lên đến 13%, cao gấp hơn năm lần tỷ lệ lãi suất trung bình một năm trước đó.

Sự khác biệt trong hoạt động tín dụng ngân hàng ngoài luồng của Trung Quốc nằm ở chỗ chúng tăng trưởng quá nhanh, phần lớn là tín dụng cho doanh nghiệp và gắn liền với cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008. Như là phản ứng với việc thị trường xuất khẩu trì trệ, năm 2008, chính phủ Trung Quốc đã đưa ra chương trình kích thích kinh tế tập trung vào đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và tài trợ chủ yếu cho các khoản vay ngân hàng lần đầu. Chương trình kích thích giúp nền kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong bối cảnh suy thoái toàn cầu nhưng nó cũng tiềm ẩn nguy cơ lạm phát. Để loại trừ nguy cơ lạm phát, việc thắt chặt tín dụng ngân hàng được thực hiện ngay sau đó đã tạo điều kiện và kích thích phát triển tín dụng ngoài luồng.

Khác biệt về khái niệm và nguồn dữ liệu không đầy đủ và sẵn có đã dẫn đến khó khăn trong việc xác định chính xác quy mô hoạt động ngân hàng ngoài luồng của Trung Quốc. Goldman Sachs ước tính năm 2012 con số này là khoảng 22.6 nghìn tỷ CNY, chiếm 46% GDP. Con số này là khá nhỏ so với con số 178 % của Mỹ năm

2007. Tuy nhiên hoạt động ngân hàng ngoài luồng của Trung Quốc đang gia tăng nhanh chóng. Trong giai đoạn 2008-2012, tín dụng phi ngân hàng tăng trưởng trung bình 33%/năm, chiếm 55% GDP. Trong khi đó hiệu quả đầu tư trên đồng vốn lại ngày càng giảm. Trước khủng hoảng 2008, 1 đồng CNY tín dụng đầu tư mang lại 1 đồng CNY tăng trưởng, tuy nhiên giai đoạn sau, để tạo ra 1 đồng CNY tăng trưởng cần đến hơn 2 đồng CNY tín dụng đầu tư. Sự suy giảm hiệu quả đầu tư tín dụng phản ánh việc đầu tư quá mức và phân bổ nguồn vốn không hiệu quả, tuy nhiên nhu cầu tài trợ vốn cho tăng trưởng thị trường và đảo nợ của chính quyền các địa phương cũng đóng vai trò quan trọng. Theo một nghiên cứu của Credit Lyonnais Securities Asia năm 2013, có đến 50% các khoản tín dụng mới của các chính quyền địa phương là để cơ cấu lại các khoản nợ năm 2012.

Một đặc điểm nổi bật khác của hoạt động ngân hàng ngoài luồng của Trung Quốc là nó chủ yếu tài trợ cho khu vực doanh nghiệp và phục vụ mục đích kinh doanh. Đây là điểm hoàn toàn khác với ở Mỹ, khi mà một phần lớn hoạt động tín dụng phi ngân hàng là các khoản tín dụng tiêu dùng qua việc chứng khoán hóa các khoản vay thế chấp bất động sản. Điều này gia tăng cơ hội cho hệ thống ngân hàng trong việc cấp tín dụng nhiều hơn cho các khu vực ít được quan tâm trước đây bao gồm tín dụng tiêu dùng và tín dụng bất động sản. Tuy nhiên, nó cũng khiến hệ thống ngân hàng trở nên dễ bị tổn thương với các cú sốc khi tăng trưởng kinh tế suy giảm và điều kiện tín dụng bị thắt chặt khiến giá trị tài sản lao dốc.

4. Giảm thiểu rủi ro tín dụng phi ngân hàng

Sự tăng trưởng chóng mặt của tín dụng ngoài luồng tiềm ẩn nhiều rủi ro nghiêm

trọng cho hệ thống tài chính: làm suy yếu tiêu chuẩn đảm bảo, gây khó khăn thanh khoản cho các nhà phát hành trái phiếu phi ngân hàng. Nó cũng làm gia tăng rủi ro đạo đức khi người vay cho rằng trong mọi trường hợp, chính phủ sẽ phải ra tay cứu giúp khi hệ thống tài chính đổ vỡ để đổi lấy sự ổn định xã hội. Khi Ngân hàng trung ương Trung Quốc nỗ lực hạn chế những thực thể cho vay vừa và nhỏ sẽ dẫn đến sự căng thẳng tín dụng tạm thời do bị thắt chặt. Tuy nhiên nhiều nghiên cứu và quan điểm cho rằng nguy cơ bong bóng đầu cơ, đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp và nguy cơ khủng hoảng tín dụng tại Trung Quốc bị thổi phồng quá mức. Nguy cơ kinh tế Trung quốc phải hạ cánh cứng do khủng hoảng tài chính được giảm thiểu bởi các lý do sau:

Thứ nhất, sự kiểm soát mang tính chính trị của nhà nước đối với việc cung tiền. Ngân hàng trung ương Trung Quốc và Ủy ban chính sách ngân hàng Trung Quốc thực hiện việc kiểm soát đối với thanh khoản thị trường qua các công cụ chính sách và kinh tế như nghiệp vụ thị trường mở, dự trữ bắt buộc, lãi suất cơ bản... Ví dụ chỉ cần cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng thì một lượng lớn thanh khoản sẽ được bơm vào hệ thống.

Thứ hai, đóng cửa các tài khoản vốn. Việc cấm hoặc hạn chế pháp nhân và thể nhân chuyển tiền ra ngoài lãnh thổ đã khiến tiền gửi nội địa cao gấp 1,5 lần dư nợ và gấp 1,8 lần GDP danh nghĩa. Dự trữ ngoại hối được tích lũy và việc các ngân hàng tự cân đối nguồn vốn là tấm đệm chống lại mất cân đối cán cân thanh toán, cú sốc tiền tệ và giảm nhiệt cuộc đua giữa các ngân hàng.

Thứ ba, bảng cân đối ngân sách quốc gia được đảm bảo. Cho đến nay, Trung Quốc chưa phải thực hiện đòn bẩy tài chính với bảng cân đối tài sản quốc gia. Chính

quyền trung ương có đủ khả năng phát hành trái phiếu để xử lý nợ tiềm tàng, hỗ trợ chi ngân sách và đảm bảo cho quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường. Ngân sách quốc gia cũng có khả năng chống chọi với những tác động tài chính tiêu cực qua việc bán các tài sản do nhà nước sở hữu

Trong khi chính quyền trung ương vẫn đủ khả năng hành động để ngăn chặn một cuộc khủng hoảng ngân hàng trong ngắn hạn, các nhà lãnh đạo Trung Quốc cần phải tái cân bằng các động lực tăng trưởng kinh tế vốn dựa chủ yếu vào xuất khẩu và đầu tư vào tài sản cố định. Cải tổ kinh tế theo hướng động lực tăng trưởng chính là chi tiêu tư nhân và chính phủ có thể dẫn đến môi trường thanh khoản bị thắt chặt hơn, nguy cơ suy giảm kinh tế và giá cổ phiếu ngân hàng bị biến động trong tương lai gần.

Trong khi Trung Quốc đang tái cân đối các động lực phát triển kinh tế, quá trình hiện đại hóa hệ thống tài chính được tiến hành từng bước. Những thay đổi này mang lại cơ hội cho các công ty cung cấp dịch vụ tài chính trong nước huy động vốn từ nhu cầu đang tăng về các sản phẩm tài chính của người dân. Tuy nhiên những biện pháp can thiệp hành chính và môi trường kinh tế vĩ mô có chiều hướng đi xuống khi tăng trưởng chậm lại tạo ra nhiều thách thức đối với một số ngân hàng nước này.

5. Các biện pháp hạn chế hoạt động ngân hàng ngoài luồng của Trung Quốc

Tự do hóa lãi suất: Việc dỡ bỏ các quy định về lãi suất là một bước đi quan trọng đang được thực hiện. Trước đây, Ngân hàng trung ương Trung Quốc đã áp đặt quy định về trần và sàn lãi suất với các khoản tín dụng của ngân hàng. Tuy nhiên quy định này gây thiệt hại cho người gửi tiền khi lãi suất thực âm. Chính điều này đã dẫn

đến sự gia tăng của các sản phẩm quản lý tài sản (wealth management products) và hoạt động ngân hàng ngoài luồng.

Năm 2012, Ngân hàng trung ương Trung Quốc đã công bố bãi bỏ quy định trần và sàn lãi suất, nới lỏng quy định về lãi suất tham chiếu nhằm nâng cao tính cạnh tranh của các ngân hàng và tăng quyền chọn cho người gửi tiền. Quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch, mệnh lệnh sang định hướng thị trường sẽ khiến các ngân hàng chịu áp lực về thu nhập, tuy nhiên mức độ là khác nhau giữa các ngân hàng. Các ngân hàng thế mạnh về mạng lưới và nguồn vốn rẻ sẽ tận dụng được lợi thế tự do hóa lãi suất trong khi các ngân hàng còn lại sẽ phải chịu bất lợi.

Giám sát các sản phẩm quản lý tài sản: Nỗ lực và quyết tâm của chính phủ Trung Quốc kiềm chế sự phát triển nóng của thị trường tài chính bao gồm việc hạn chế các hoạt động ngân hàng phi truyền thống sẽ dẫn đến việc gia tăng giám sát vào quá trình cải cách sản phẩm tài chính. Các sản phẩm quản lý tài sản giúp các ngân hàng duy trì tiền gửi, chứng khoán hóa tài sản, giảm tỷ lệ bất buộc về an toàn vốn tối thiểu và tăng thu phí... Trong khi các sản phẩm tài chính có đảm bảo được ghi trong bảng cân đối tài sản của các ngân hàng thì các sản phẩm không được đảm bảo lại được hạch toán ngoại bảng, việc tăng cường theo dõi, giám sát giúp phát hiện các khoảng tối của chúng tốt hơn, ngăn chặn các ngân hàng chứng khoán hóa các khoản nợ xấu thành các sản phẩm tài sản không đảm bảo.

Theo dõi giám sát hoạt động liên ngân hàng: Nâng cao năng lực giám sát các sản phẩm quản lý tài sản, tăng cường theo dõi hoạt động liên ngân hàng sẽ khiến thanh khoản bị thu hẹp và các ngân hàng thấy khó thở hơn do những hạn chế về tín dụng. Do

các khoản tín dụng liên ngân hàng có các yêu cầu về đảm bảo an toàn vốn ít hơn và nằm ngoài việc tính tỷ lệ vốn vay/vốn cho vay nên có sức hấp dẫn lớn với các ngân hàng đang gặp khó khăn về vốn. Họ có thể dùng chúng để tái cơ cấu nợ và khắc phục thiếu thanh khoản ngắn hạn.

Kinh tế tăng trưởng chậm lại và thanh khoản bị thắt chặt khiến các ngân hàng Trung Quốc đối diện với nguy cơ phá sản lớn hơn khi các khoản tín dụng doanh nghiệp khó thu hồi. Các ngân hàng những năm trước đây tham lam với mục tiêu tăng trưởng tín dụng mà xem nhẹ các quy định đảm bảo an toàn cho vay các doanh nghiệp có mức độ rủi ro cao, nhạy cảm với chu kỳ kinh tế sẽ phải gánh chi phí cao khi kinh tế suy giảm. Tuy nhiên, các ngân hàng Trung Quốc thường có các nguồn thu tốt, quy định về dự phòng rủi ro tín dụng cao nên nhiều ngân hàng sẽ vượt qua được tình thế khó khăn này.

Chính phủ Trung Quốc đang phải thực hiện một nhiệm vụ đầy thách thức là tạo ra sự cân bằng mong manh khi hỗ trợ tài chính để dọn dẹp lại hệ thống ngân hàng mà không kích thích gia tăng tình trạng dựa dẫm vào chính phủ để làm liều. Luôn tồn tại rủi ro khi chính phủ không thực hiện thành công cải tổ dẫn đến nền kinh tế phải hạ cánh cứng và làm giảm giá trị sổ sách của ngân hàng. Nếu thanh khoản bị thắt chặt nhanh chóng, vấn đề đòn bẩy vốn bị bỏ qua, các ngân hàng Trung Quốc sẽ đi vào một giai đoạn đau thương. Tuy nhiên, một số quan điểm cho rằng ngân khổ quốc gia cân đối, tỷ lệ tiết kiệm dân cư cao cộng với chính sách chỉ huy, kiểm soát của chính quyền trung ương sẽ giúp hệ thống ngân hàng hạ cánh mềm hơn là lâm vào một chu kỳ khốn khó, lún quẩn.

6. Bài học cho Việt Nam

Có thể nói, hệ thống tài chính Việt Nam là anh em gần với hệ thống tài chính Trung Quốc, hầu như các điểm mạnh và điểm yếu cơ bản của tín dụng ngoài luồng của Trung Quốc cũng được thấy ở Việt Nam. Tín dụng ngoài luồng ở Việt Nam rất đa dạng nhưng tập trung vào hai luồng lớn là trái phiếu doanh nghiệp, tín dụng đen.

Theo chuyên gia tài chính Bùi Kiến Thành, mặc dù chưa rõ cơ sở chắc chắn, quy mô tín dụng đen ở Việt Nam được cho là lên tới 50 tỷ USD. Ông Thành cũng cho rằng nhiều ngân hàng ở Việt Nam cũng đang tiến hành cho vay theo cung cách của 'tín dụng đen' khi sử dụng tới hai tỷ lệ lãi suất khác nhau cho cùng một khoản vay là 'công khai' và 'dưới gầm bàn' hoặc 'lót tay' tham nhũng. Có thể nói so với tín dụng chính thức, quy mô tín dụng đen ở Việt Nam là một con số quá lớn có thể gây 'tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội'.

Về trái phiếu, năm 2013, Việt Nam đã lập kỷ lục phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Theo số liệu của Vụ Tài chính Các ngân hàng và Tổ chức tài chính thuộc Bộ Tài chính, doanh nghiệp đã huy động 33.600 tỷ đồng vốn trong nước qua trái phiếu doanh nghiệp. Lượng phát hành trong năm 2013 đã tăng 17% so với khối lượng phát hành của cả năm 2012, cũng theo số liệu của Vụ. Số lượng phát hành thực tế này bằng 64% so với khối lượng các doanh nghiệp đã đăng ký phát hành trong năm. Điều đáng quan ngại là việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước được quản lý chưa chặt chẽ, một ví dụ từ việc nợ nần của Vinashin cho thấy lỗ hổng nghiêm trọng trong vấn đề này.

Tín dụng ngoài luồng ở Việt Nam do nhiều lý do nhưng một trong những lý do chủ chốt là hệ thống ngân hàng hoạt động

chưa hiệu quả, chưa thực sự là kênh trung chuyển vốn cho nền kinh tế. Những yếu kém trong quản lý lãi suất cho vay ở hệ thống các ngân hàng thương mại và việc lỏng lẻo trong hệ thống luật quản lý trần lãi suất cho vay để kiểm soát lãi suất và hoạt động cho vay bất hợp lý. Quy định và quy trình kiểm tra giám sát việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước còn lỏng lẻo.

Để kiểm soát tốt hơn các tín dụng ngoài luồng, đối với hệ thống ngân hàng, Việt Nam cần có các biện pháp cải thiện dịch vụ cho vay của ngân hàng, hợp lý hóa chi phí vận hành, tinh giản, gọn nhẹ; Nâng cao năng lực của cán bộ tín dụng và nỗ lực làm cho dịch vụ và các sản phẩm ngân hàng thân thiện hơn

với người dân; Hệ thống ngân hàng cần được tái cấu trúc để trở thành kênh trung gian vốn cho nền kinh tế; Kiểm soát chặt chẽ và liên tục các hoạt động, dịch vụ và đối tượng cho vay nặng lãi.

Phát triển kinh tế cần cân đối mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, không vì mục tiêu tăng trưởng nóng ngắn hạn mà coi nhẹ tăng trưởng bền vững. Nhà nước cần có cơ chế hiệu quả để kiểm tra giám sát hoạt động vốn của các chính quyền địa phương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước để đảm bảo nhà nước có thể kiểm soát và chúng được phục vụ tích cực và hiệu quả cho phát triển bền vững nền kinh tế mà không phải cho tăng trưởng nóng và lợi ích cục bộ.

THE CHALLENGES OF SHADOW BANKING CREDIT ACTIVITIES IN CHINA AND LESSONS FOR VIETNAM

Huynh Cong Danh

Thu Dau Mot University

ABSTRACT

Shadow banking credit system is the financial institutions not governed by the provisions of the banks, also called "underground" or parallel banking. In recent years in China, the operation of the shadow banking system has been rapidly developed and contained many potential risks to the financial system. To minimize the risks, China has undertaken control measures for the shadow banking system via financial instruments such as interest rate liberalization, supervision of asset management products and interbank activities. The control measures of the shadow banking system of Chinese are a useful information source for the control process of the shadow banking credit system in Vietnam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Cành, Hoàng Công Gia Khánh, *Tài chính phát triển*, NXB Đại học Quốc gia, 2009.
- [2] Trần Huy Hoàng, *Quản trị ngân hàng*, NXB Lao động – Xã hội, 2010.
- [3] Dương Hữu Hạnh, *Ngân hàng Trung ương – Các vai trò và các nghiệp vụ*, NXB Lao động, 2010.
- [4] Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc (VCES), *Kinh tế Trung Quốc - Những rủi ro trung hạn*, NXB Thế Giới, 2013.
- [5] Nguyễn Văn Nhã (tổng hợp và dịch), *Trung Quốc sau khủng hoảng*, NXB Tri thức, 2011.
- [6] <http://www.bfinance.vn/>; <http://server.capgroup.com/>; <http://www.bizlive.vn/>; <http://www.vtc.vn>